

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 / 7 / 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;
2. Ông Trần Thanh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 2, ấp T4, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Ngọc Q, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Tổ 2, ấp T4, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: Tổ 2, hẻm 1, khóm CT 3, phường B, thành phố CD, tỉnh An Giang.

Ông Lê Chí T có mặt, bà Phạm Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Chí T trình bày: Vào năm 2013, qua giới thiệu ông và bà Phạm Ngọc Q quen nhau được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức

đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, ngày 19/8/2013, giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyền 01/2013. Sau lễ cưới, bà Q về sống chung với cha, mẹ ông được hơn 02 tháng thì than cực và buồn, bà Q đề nghị ông về bên cha mẹ vợ ở Châu Đốc sống. Ông không đồng ý vì cha mẹ già không ai chăm sóc, nên bà Q tự ý bỏ về nhà ba mẹ ruột sống. Bà Q đã nhiều lần bỏ đi ông năn nỉ rước về. Lần cuối cùng bà Q bỏ đi là ngày 25/7/2014. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Ngọc Q trình bày: Qua mai mối bà và ông T được cha, mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2013 có đăng ký kết hôn, sau đó vợ chồng sống cùng cha, mẹ ông T. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Do cha, mẹ chồng quá khó nên vào năm 2014 bà về nhà mẹ ruột sống đến nay. Thời gian này nhiều lần ông T đến đưa bà về nhưng vợ chồng không thể chung sống được. Tình cảm vợ chồng không còn, bà Q chấp nhận ly hôn, nhưng xin vắng mặt không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, khi vụ án đưa ra xét xử.

Ông T và bà Q khai thông nhất giữa vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung;

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ông Lê Văn Nh (cha ruột ông T) ngày 27/6/2018: Ông là cha ruột của T, qua giới thiệu nên ngày 19 tháng 01 năm 2013 (âm lịch) vợ chồng ông đi hỏi cưới Phạm Ngọc Q cho T, cha, mẹ Q đồng ý. Hai bên tổ chức lễ cưới cho 02 con, đăng ký kết hôn tại xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, Q về làm dâu đến năm 2014 thì bỏ nhà đi nhiều lần, lý do Q muốn T về sống với cha, mẹ của Q tại Châu Đốc. Vợ chồng ông và T đang sống chung, còn những người con khác của ông đã lập gia đình và ở riêng, ông lớn tuổi không làm gì chỉ có T chăm lo tiếp, vì vậy T không đồng ý. Nhiều lần T năn nỉ và rước Q về sống nhưng Q không đồng ý, Q tiếp tục bỏ đi về nhà cha, mẹ sinh sống cho đến nay, kéo dài 04 năm, hai đứa không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, ông mong muốn tòa án cho ly hôn. Giữa T và Q không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 26/6/2018 tại ban khóm Châu Thới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc.

Tòa án đã mở phiên hòa giải, giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bà Q vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Lê Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Q và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà Q và kết quả xác minh, ý kiến ông Nh.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 19/8/2013 tại UBND xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Theo ông T trình bày nguyên nhân ông T xin ly hôn với bà Q là do không thỏa thuận nơi ở của vợ chồng, bà Q bỏ đi nhiều lần thể hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Cho thấy bà Q không còn tình cảm với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Q khai không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Ông Lê Chí T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Ngọc Q, hiện bà Q đang tạm trú tại Tổ 2, hẻm 1, khóm Châu Thới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Đối với quan hệ hôn nhân, ông T, bà Q chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển số 01/2013, cấp ngày 19/8/2013 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông T và bà Q thống nhất mâu thuẫn vợ chồng là do không thống nhất nơi ở của vợ chồng và việc chăm sóc cha mẹ già, bà Q có bất đồng trong sinh hoạt với cha, mẹ ông T, hiện tại vợ chồng đã sống xa cách từ năm 2014 đến nay, bà Q chấp nhận ly hôn nhưng không tham gia hòa giải.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, cùng thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Với nguyên nhân trên cho thấy, ông T, bà Q có vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông T. Ông T được ly hôn với bà Q.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông T và bà Q thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp. Bà Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí T.

Ông Lê Chí T được ly hôn với bà Phạm Ngọc Q.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Chí T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007372 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ba Phạm Ngọc Q không phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Q là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: - Viện kiểm sát TPCĐ (2); - Tòa án tỉnh An Giang (1); - Thi hành án DS TPCĐ (1); - Các đương sự; - Lưu hồ sơ (1), - Lưu văn phòng (1).	TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Phạm Thị Bích Thủy
---	---